

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

VŨ ÁNH TUYẾT

YẾU TỐ TỰ SỰ TRONG DÂN CA TÀY

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

THÁI NGUYÊN - 2008

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

VŨ ÁNH TUYẾT

YẾU TỐ TỰ SỰ TRONG DÂN CA TÀY

Chuyên ngành: **VĂN HỌC VIỆT NAM**

Mã số: **60.22.34**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN HÀNG PHƯƠNG**

THÁI NGUYÊN - 2008

Phần 1. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ai đã từng say mê, sửng sốt trước nghệ thuật tả cảnh, tả tình tinh tế, đầy sức gợi cảm trong những truyện thơ của người Tày nếu có dịp nghe những lời ca tiếng hát của dân tộc này hẳn sẽ lý giải vì sao người dân nơi đây có thể sáng tác truyện thơ hay đến vậy.

Người Tày sống giữa thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng, có phần ưu đãi, có phần khắc nghiệt. Họ sống chân thành, giản dị, hiền hoà trong một xã hội mà nhân tố dân chủ nguyên thủy phần nào còn đóng vai trò trong các quan hệ xã hội. Những điều kiện tự nhiên và xã hội ấy đã góp phần tạo nên chất trữ tình đậm thắm, tràn đầy trong tâm hồn người Tày. Dân ca Tày nói chung và dân ca trữ tình Tày nói riêng là tiếng nói chất chứa những nguyện vọng, những nỗi niềm, những cung bậc tình cảm đa dạng của con người, với một thứ nghệ thuật tràn đầy chất lãng mạn và phương thức biểu hiện tinh tế, sâu sắc.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu khai thác giá trị dân ca Tày ở nhiều cấp độ trên cả phương diện nội dung và nghệ thuật. Song hầu hết các nhà nghiên cứu chỉ tập trung khai thác bản chất trữ tình của thể loại này mà ít chú ý tới vai trò của yếu tố tự sự trong việc biểu hiện đời sống nội tâm của con người dưới nhiều khía cạnh phong phú và khác nhau. Ý muốn có một chuyên luận nhỏ tìm hiểu về vấn đề này là một trong những lí do khiến chúng tôi chọn “Yếu tố tự sự trong dân ca Tày” làm vấn đề nghiên cứu của luận văn.

Mặt khác, đã từ lâu, việc dạy và học văn học dân gian nói chung, văn học dân gian các dân tộc thiểu số nói riêng rất được nhà trường phổ thông quan tâm chú ý. Vì vậy, nghiên cứu tìm hiểu về dân ca Tày là việc làm có ý nghĩa rất thiết thực đối với công tác giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

2. Lịch sử vấn đề

Thuộc về loại hình trữ tình dân gian, ca dao, dân ca với những đặc điểm thể loại của nó là sự thể hiện cảm xúc của chủ thể trữ tình trước những vấn đề xã hội và nhân sinh. Ca dao, dân ca cùng các vấn đề xung quanh nó từ lâu đã được khoa lịch sử văn học soi sáng, phân tích dưới nhiều góc độ: Chủ đề, tư tưởng, đề tài, thi pháp, ngôn ngữ... Tuy nhiên về mặt loại hình còn có thể đi sâu hơn nữa về một đặc điểm góp phần không nhỏ tạo nên diện mạo loại hình trữ tình dân gian tiêu biểu này. Đó là yếu tố tự sự và sự xâm nhập mạnh mẽ của nó vào trong ca dao, dân ca. Đây có thể nói là một vấn đề độc đáo nên từ lâu đã thu hút được sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu. Về vấn đề này có thể kể đến những ý kiến, bài viết sau:

Theo nhà nghiên cứu văn học dân gian Chu Xuân Diên: “...Khác với phong cách của nhiều tác phẩm thơ ca trữ tình, trong văn học thành văn, phong cách của ca dao, dân gian trữ tình biểu lộ khá rõ rệt xu hướng kể chuyện, nghĩa là xu hướng miêu tả tình cảnh không chỉ qua tâm trạng mà còn qua cả hành động nhân vật nữa” [492, 16].

Về đặc điểm của yếu tố tự sự, các nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị, Lê Trường Phát đã gián tiếp kể ra trong khi viết về lối kể chuyện.

Tìm hiểu về lối kể chuyện trong ca dao, nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị rất chú ý tới phân biệt kể chuyện - trữ tình với kể chuyện - tự sự. Nét khác biệt giữa hai loại này chung quy gồm mấy đặc điểm sau:

“1. Trong ca dao (ở đây đang nói về ca dao kể chuyện) nhân vật trữ tình kể chuyện mình, còn trong vè, câu chuyện về nhân vật (tất nhiên là nhân vật tự sự) lại do người khác kể lại.

2. Câu chuyện được kể trong ca dao là chuyện tâm tình - đó là nỗi niềm được kể nhiều hơn là câu chuyện được thuật lại” [207, 31].

Cũng giống như nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị, nhà nghiên cứu Lê Trường Phát trên cơ sở viết về lối kể chuyện, đã chỉ ra đặc trưng cơ bản nhất của những bài ca viết theo lối này: “Trong bài ca dao kể chuyện tuy cũng có sự nhưng nổi lên bình diện thứ nhất việc kể và tả là “tình” là nỗi niềm của nhân vật (và là nhân vật trữ tình). Ở đây câu chuyện được kể không cần mang vẻ ngoài của nó như trong thực tại, điều đáng chú ý hơn cả vẫn là những cảm xúc tâm lí của nhân vật trữ tình phản ứng lại những biểu hiện, những vẻ ngoài của sự việc.” [139, 26].

Trong quá trình tìm hiểu chúng tôi nhận thấy lối kể chuyện mà hai nhà nghiên cứu trên đề cập tới có nội hàm rất gần với yếu tố tự sự trong ca dao. Do vậy, những ý kiến nhận định trên là những gợi ý quan trọng và quý báu cho chúng tôi trong quá trình tìm hiểu đề tài.

Về các dạng thức biểu hiện của yếu tố tự sự, dù chỉ nghiên cứu ở mức độ khái quát nhưng trong “Những thế giới nghệ thuật ca dao”, Phạm Thu Yến đã bước đầu chỉ ra rằng yếu tố tự sự xuất hiện trong ca dao có những dạng thức biểu hiện khác nhau.

Trong bài viết: “Học viết truyện ngắn trong ca dao cổ” Vũ Tú Nam qua việc phân tích bài ca dao “Minh ta nói với ta mình hãy còn son” đã chỉ ra những “đúc tính” cần có của một truyện ngắn. Cũng trong bài viết này tác giả đã nêu một cấp độ biểu hiện của yếu tố tự sự trong ca dao: Cấp độ có cốt truyện.

Riêng bàn về “sự” và “tình”, Hoàng Tiến Tựu đã chỉ ra một cách rất hình ảnh cũng khá cụ thể mối quan hệ giữa hai yếu tố này: “Có thể nói “sự” là thể xác “tình” là linh hồn của ca dao. Muốn lập ý, diễn tình và cấu tứ nói chung phải nhờ đến “sự”. Mặc dù bản thân “sự” nếu tách rời thì sẽ mất hết nội dung, ý nghĩa, chẳng là cái gì cả. Nhưng nếu thiếu nó thì “tình” khó bộc lộ, tứ cũng khó mà hình thành, cho nên chỉ có thể nói “sự” là cơ sở, là điểm tựa của tư tưởng tình cảm trong ca dao”[32, 34].

Tổng hợp các ý kiến trên, dễ nhận thấy có một điểm chung là từ cách gọi tên cho đến nội dung vấn đề được đưa ra, các nhà nghiên cứu mới chỉ gián tiếp nhắc đến yếu tố tự sự và cũng chỉ nhắc đến một khía cạnh nào đó của yếu tố này trong ca dao mà chưa tìm hiểu một cách hệ thống, cụ thể vấn đề này.

Với bài viết “Tự sự trong loại hình trữ tình dân gian”, Nguyễn Bích Hà đã bước đầu nhìn nhận, tìm hiểu yếu tố tự sự trên một số phương diện: Các dạng thức biểu hiện, đặc điểm vai trò của nó trong ca dao nói chung. Tuy nhiên do dung lượng có hạn của bài báo nên bài viết còn khá khái quát, chưa đi sâu vào tìm hiểu vấn đề này.

Trên đây là một số bài viết về yếu tố tự sự trong kho tàng ca dao người Việt. Dù chỉ dừng lại ở mức độ khái quát nhưng những kết quả nghiên cứu trên thật sự là chỗ dựa vững chắc cho chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Bên cạnh mảng ca dao người Việt, các nhà nghiên cứu cũng chú ý đến việc tìm hiểu sự hiện diện của yếu tố này trong kho tàng dân ca của các dân tộc anh em khác. Có thể kể đến một số bài viết sau:

Trong khi tìm hiểu về “Đặc điểm kết cấu dân ca Hmông”, tác giả Phạm Thu Yến nhận định rằng: “Một đặc điểm rất quan trọng, khi quan sát kết cấu dân ca Hmông là các bài dân ca này dài hơn dân ca Việt. Tính chất trần thuật, kể lể, phô diễn đậm nét hơn” và “Dân ca Việt, dân ca Trung Quốc kết cấu thường ngắn, gọn, các yếu tố cốt truyện không rõ như dân ca Thái, dân ca Hmông có nhiều bài rõ yếu tố cốt truyện, đôi chỗ còn có lời trần thuật của người dẫn truyện” [60, 39].

Tìm hiểu về dân ca trữ tình Thái, tác giả này cũng cho rằng: “Một đặc điểm dễ nhận thấy ở dân ca Thái là chất trữ tình kết hợp hài hòa với lối tự sự, phô diễn, giải bày khiến dân ca Thái vừa giản dị, hồn nhiên vừa

lãng mạn, thơ mộng. Một bài dân ca Thái thường kể về một tình huống, diễn tả tâm trạng, nhiều khi như kể cả câu chuyện có lời thoại, tả cảnh, tả tình” [153, 39].

Riêng về dân ca sinh hoạt của người Tày, đối tượng mà đề tài hướng tới, các nhà nghiên cứu cũng khẳng định rằng có sự tham gia của yếu tố tự sự.

Nhà nghiên cứu văn học dân gian Vi Hồng đã khẳng định rằng: “Sli, lượn trữ tình chủ yếu là những lời trò chuyện tâm tình giữa nam nữ thanh niên, nhưng vẫn không hoàn toàn gạt bỏ những bài mang tính tự sự” và “chính do hình thức diễn xướng nối tiếp này mà các bài lượn trữ tình vẫn mang hơi thở của thể loại tự sự” [193, 14].

Tìm hiểu về “lượn sách”, nhà nghiên cứu Vũ Anh Tuấn cũng khẳng định: “Loại lượn này mặc dầu được trình bày trong các cuộc sli, lượn nhưng lại mang yếu tố tự sự đậm đà hơn tính trữ tình” [49, 33].

Như vậy, dù trong kho tàng ca dao người Việt hay ở bộ phận dân ca sinh hoạt của người Tày, trên cấp độ loại hình, cần nhận thấy có sự xâm nhập mạnh mẽ của yếu tố tự sự vào loại hình tưởng như đối lập với nó về phương thức biểu hiện - loại hình trữ tình dân gian. Nhưng cho đến nay vấn đề này vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, trên cơ sở tiếp thu những ý kiến, những nhận định của nhà nghiên cứu trước đó, chúng tôi sẽ cố gắng tìm hiểu một cách tương đối toàn diện về yếu tố tự sự trong điệu hát dân ca trữ tình Tày. Từ đó chỉ ra những đặc trưng, vai trò của nó trong việc biểu lộ cảm xúc trữ tình của những cư dân nói tiếng Tày.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Qua việc tìm hiểu đề tài, luận văn sẽ chỉ ra một cách có hệ thống các dạng thức biểu hiện và vai trò của yếu tố tự sự trong kho tàng dân ca sinh hoạt của người Tày.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xuất phát từ mục đích nghiên cứu, chúng tôi xác định nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài là:

- Xác định một khái niệm chung nhất về yếu tố tự sự.
- Từ khái niệm ấy đối chiếu vào các lời ca trong kho tàng dân ca Tày để tìm ra những lời ca có sự xuất hiện của yếu tố tự sự và tiến hành phân loại chúng.
- Trên cơ sở những số liệu cụ thể mà kết quả khảo sát đem lại, chúng tôi tiến hành phân tích, so sánh để tìm ra một số đặc điểm cơ bản và vai trò của yếu tố tự sự trong kho tàng dân ca Tày.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các lời dân ca sinh hoạt của người Tày có sự hiện diện của yếu tố tự sự.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Các lời dân ca Tày đã được sưu tầm và biên dịch trong một số cuốn sách sau:

1. *Ca dao Tày Nùng*, Triều Ân (1994), Sưu tầm, tuyển dịch, giới thiệu, Nxb Văn học.
2. *Lượn shương*, Phương Bằng, Lã Văn Lô (1992), Sưu tầm, phiên âm, dịch, Nxb Văn hoá dân tộc.
3. *Phong Shư*, Phương Bằng (1994), sưu tầm, phiên âm, chỉnh lý biên soạn và dịch thuật, Nxb Văn hóa dân tộc.
4. *Đồng dao Tày*, Hoàng Thị Cảnh (1994), Sưu tầm, tuyển dịch, biên soạn, Nxb Văn hoá Dân tộc.
5. *Lượn cọi Tày - Nùng*, Cung Văn Lược, Lê Bích Ngân (1987), Nxb Văn hóa dân tộc.
6. *Sli lượn hát đôi của người Tày Nùng ở Cao Bằng*, Hoàng Thị Quỳnh Nha (2003), Nxb Văn hóa - Thông tin.

7. *Lượn Tày Lạng Sơn*, Hoàng Văn Páo (2003), Suu tầm, biên dịch, giới thiệu, Nxb Văn hoá Dân tộc.

8. *Lượn cọi*, Lục Văn Páo (1994), Suu tầm, phiên âm, dịch - Nxb Văn hoá dân tộc.

Và một số bài dân ca sinh hoạt của người Tày được tuyển chọn, phiên âm, biên dịch in trong các hợp tuyển, tổng tập văn học.

5. Phương pháp nghiên cứu

Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Bởi vậy, với mong muốn thu được kết quả cao nhất, ở đề tài này, chúng tôi sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó xác định một số phương pháp sau là cơ bản:

- Phương pháp thống kê, hệ thống.
- Phương pháp so sánh, đối chiếu.
- Phương pháp phân tích, khái quát hoá.
- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.

6. Đóng góp của luận văn

Hoàn thành đề tài, luận văn hy vọng sẽ chỉ ra một cách có hệ thống các dạng thức biểu hiện và vai trò của yếu tố tự sự trong dân ca Tày.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và thư mục tham khảo, nội dung chính của luận văn được thể hiện trong 3 chương:

Chương 1: Khái quát về tộc người Tày, văn học dân gian Tày và một số vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài.

Chương 2: Các dạng thức tồn tại của yếu tố tự sự trong dân ca Tày.

Chương 3: Vai trò của yếu tố tự sự trong dân ca Tày.

Phần 2: NỘI DUNG

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ TỘC NGƯỜI TÀY, VĂN HỌC DÂN GIAN TÀY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Khái quát về tộc người Tày và văn học dân gian Tày

1.1.1. Khái quát về tộc người Tày

Tày là tên gọi từ lâu đời dùng để chỉ chung người dân tộc ở Trung Quốc và Đông Nam Á. Theo các nhà dân tộc học thì tên gọi này đã có từ nửa cuối thiên niên kỉ thứ nhất sau công nguyên. Ngoài tên gọi này, người Tày còn được biết đến bởi các tên Thổ, Cần Shín, Khay, Táy...

Cùng với người Việt, người Mường... ở Việt Nam, người Tày đã có mặt từ xa xưa gắn liền với tiến trình dựng nước và giữ nước. Tính đến năm 1995, dân số Tày ở nước ta vào khoảng 1,2 triệu người, đứng vị trí thứ nhất trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Người Tày có mặt ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước nhưng tập trung chủ yếu ở vùng Việt bắc, trên địa bàn các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Lạng Sơn... đặc biệt là Cao Bằng (75% dân số tỉnh Cao Bằng).

Tìm về cội nguồn lịch sử, người Tày còn thuộc nhóm Âu Việt trong khối Bách Việt mà địa bàn cư trú là miền Bắc Việt Nam và miền Hoa Nam Trung Quốc. Vào thế kỉ thứ 3 trước công nguyên, liên minh bộ lạc Âu Việt (Tày - Nùng) đã cùng với liên minh bộ lạc Lạc Việt (Việt - Mường) thành lập nên vương quốc Âu Lạc. Người thủ lĩnh đứng đầu là An Dương Vương Thục Phán. Địa bàn quốc gia Âu Lạc là Bắc Bộ và Trung Bộ. Âu Lạc là quốc gia đầu tiên xuất hiện trên vũ đài lịch sử Việt Nam. Trong quá trình cùng chung sống, đấu tranh để xây dựng và giữ gìn đất nước người Âu Việt và người Lạc Việt vốn có những quan hệ gần gũi nhau, cùng giao lưu tiếp thu ảnh hưởng